

Bản án số: 29/2021/DS-ST

Ngày: 27/4/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quý;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thượng Văn Kình;

Ông Đặng Minh Lý.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 417/2020/TLST-DS ngày 24/12/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-DS ngày 22/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-DS ngày 08/4/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà L T T, sinh năm 1971; địa chỉ:..., Khu phố 7, phường P L, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, *có đơn xin giải quyết vắng mặt.*

2. *Bị đơn:* Ông N M L, sinh năm 1989; địa chỉ: ...Khu phố 7, phường P L, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, *vắng mặt.*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà P T T L; địa chỉ: Khu phố 7, phường P L, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 24/11/2020, bản tự khai nguyên đơn trình bày:* Ông L và bà L có quan hệ vợ chồng. Vợ chồng ông L và bà L sinh sống giáp nhà của bà L và có quan hệ họ hàng. Do mối quan hệ họ hàng và thân thiết nên nhiều lần vợ chồng ông L hỏi bà T mượn tiền để dùng vào việc hoạt động kinh doanh đại lý bia. Do mối quan hệ thân thiết nên những lần mượn tiền bà T đều không tính lãi suất, cụ thể những lần cho cho vay tiền như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 16/12/2016, nguyên đơn cho vợ chồng bị đơn vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay đến ngày 16/02/2017. Trường hợp muốn gia hạn thì phải được nguyên đơn đồng ý. Hết thời hạn trên

cho bị đơn yêu cầu gia hạn nên nguyên đơn đồng ý. Việc vay tiền hai bên có lập thỏa thuận bằng văn bản và có vợ chồng bị đơn ký tên.

Lần thứ hai: Ngày 18/01/2018, nguyên đơn tiếp tục cho vợ chồng bị đơn vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Hai bên có lập thành văn được viết vào phía sau của văn bản thỏa thuận ngày 16/12/2016 nêu trên. Việc vay tiền không thỏa thuận thời gian trả. Khi nhận tiền chỉ có bị đơn ký tên.

Lần thứ ba: Ngày 16/9/2019, nguyên đơn tiếp tục cho vợ chồng bị đơn mượn số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Hai bên có lập thành văn bản với nội dung “ Ngày 26/9/2019, Lý mượn 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu). Việc vay tiền không thỏa thuận thời gian trả nợ. Khi nhận tiền chỉ có bị đơn ký tên.

Đến khoảng tháng 8/2020, nguyên đơn thấy nhiều người đến nhà bị đơn đòi nợ thì mới biết vợ chồng bị đơn nợ nhiều người với số tiền lớn. Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn trả nợ toàn bộ số tiền nêu trên. Tuy nhiên vợ chồng bị đơn nhiều lần hẹn trả nhưng vẫn không thanh toán bất cứ khoản nợ nào.

Nay nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền vay là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

** Bị đơn ông L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ nơi cư trú, tiến hành các thủ tục liên quan đến việc gửi các thông báo, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng đầy đủ. Nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt và tòa án cũng không nhận được văn bản, tài liệu, chứng cứ của các đương sự này thể hiện ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo tố tụng và việc giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật về người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng nên thuộc trường hợp từ bỏ quyền và nghĩa vụ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục xét xử theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và không có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, xét lý do vắng mặt là phù hợp nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện các bị đơn tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Giao kết trong hợp đồng là giữa các nhân với nhau và không có đăng ký kinh doanh. Vì vậy quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp dân sự về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Tại văn bản là “Giấy cho mượn tiền” ngày 16/12/2016 thì bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có địa chỉ tại: Khu phố 7, phường P L, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Theo đơn khởi kiện và Biên bản xác minh cơ công an cung cấp “Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có hộ khẩu thường trú tại:....., Khu phố 7, phường P L, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và vợ chồng bị đơn thường xuyên vắng nhà”. Như vậy trường hợp này nếu vợ chồng bị đơn thay đổi nơi cư trú theo ghi trong “ Giấy mượn tiền” nhưng không thông báo cho nguyên đơn được biết được coi là “cố tình cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung” theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao “hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án”.

Căn cứ vào vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 2 Điều 35; Khoản 1 Điều 36; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã giao nộp các chứng cứ để chứng minh việc nguyên đơn cho vay tiền ba lần với tổng số tiền là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên tất cả những lần được triệu tập và thông báo các đương sự này đều vắng mặt không có ý do. Đồng thời đến thời điểm hiện tại các đương sự này cũng không có bất cứ ý kiến nào về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như những chứng cứ tài liệu mà nguyên đơn giao nộp. Vì vậy trường hợp này được coi là các đương sự không tham gia tố tụng và từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn xác định vợ chồng bị đơn cùng vay nguyên đơn tổng số tiền là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên theo như các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì trong 03 (ba) lần vay tiền giữ các bên chỉ

có lần thứ nhất ngày 18/01/2018, nguyên đơn cho vợ chồng bị đơn vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và các xác nhận chữ ký của cả hai vợ chồng bị đơn. Như vậy cần buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Đối với số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) của hai lần cho vay tiếp theo chỉ có một một mình bị đơn xác nhận vào văn bản thỏa thuận vay tiền. Nguyên đơn không chứng minh được hai lần vay tiền sau cùng cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng vay. Như vậy việc nguyên đơn yêu cầu cả bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới hoàn trả là không có cơ sở chấp nhận mà nghĩa vụ hoàn trả số tiền này thuộc về một mình bị đơn.

Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm của vị đại diện Viện Kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 94, 95, 96, 97, 104, 108, 147, 163, 165, 166; 218; 227, 228, 229, 264, 266, 267 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Các Điều 429, 463, 466, 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 5, Điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết Số: 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11 tháng 01 năm 2019 “hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn L T T về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông N M L và bà P T T L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L T T số tiền nợ gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Buộc ông N M L có nghĩa vụ trả cho bà L T T số tiền nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 28/4/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông N M L và bà P T T L phải liên đới chịu số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ông N M L phải chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Hoàn trả cho bà L T T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Số: AA/2016/0050879 ngày 07/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về việc thi hành bản án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP.TDM;
- Chi cục THADS TP.TDM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quý